

Bài 150. Kinh Tăng Chi | Chương Sáu pháp | Phẩm Đáng Được Cung Kính | Sư Giác Nguyên giảng 02/01/2019

Chào đại chúng. Hôm nay ngày thứ Tư, cũng là buổi giảng cuối trong tuần. Chúng ta học kinh đầu tiên của chương Sáu pháp.

Tăng Chi Bộ Kinh gồm nhiều phần. Tất cả pháp thoại nói đến một vấn đề thì để riêng một nhóm. Những pháp thoại nói đến hai vấn đề, ba, bốn, năm vấn đề, thì mỗi nhóm như vậy người ta tách riêng nó ra. Năm để theo năm, sáu để theo sáu. Chúng ta đã qua được hết chương năm vấn đề rồi. Bây giờ mình học qua chương mới là chương sáu vấn đề. Ở mỗi bài kinh chúng ta được học qua về sáu cái chuyện gì đó.

Bài kinh đầu tiên của chương này là Āhuneyya, là “đáng được cung kính”.

Đức Phật Ngài dạy rằng, trong chánh kinh, một vị tỳ kheo có được sáu cái này thì đáng được xem là đối tượng cúng bái, lễ bái, cúng dường của nhân thiên ba cõi.

Nghe rất bình thường nhưng nội dung kinh này là toàn bộ Phật pháp. Vì sao vậy? Vì toàn bộ vũ trụ với tất cả chúng sinh, gói gọn lại thì chỉ có sáu căn với sáu trần. Nghĩa là bỏ sáu căn, sáu trần đi thì không có cái gì gọi là chúng sinh, không có cái gì gọi là vũ trụ, không có cái gì gọi là cây cỏ đất đá.

Tất cả mọi loài chúng sinh, từ chư Phật, thánh hiền cho đến con trùn, con dế, đều cũng nằm trong sáu căn, sáu trần. Tất cả mặt trăng, mặt trời, thiên thể, tinh tú, địa cầu, hành tinh, đại dương, sông núi, kinh rạch, cây cỏ, đất đá lớn bé cũng đều nằm trong sáu căn, sáu trần.

Bà con trong đây nhiều người cũng hơi ngờ ngợ, tôi chỉ gợi ý thôi. Nhiều lần tôi nói mặt trời, mặt trăng nó xa thật nhưng nó vẫn nằm trong sáu trần. Có nghĩa là mặt trời mình không sờ chạm, không đặt chân lên đó được, nhưng mình có thể nhìn thấy nó, có thể suy nghĩ về nó. Khi nó là đối tượng cho mình nghĩ thì nó là pháp trần. Còn khi nó là đối tượng của con mắt thì nó thuộc về sắc trần. Đại khái như vậy.

Đó là xa nhất như mặt trăng, mặt trời hoặc các vì sao, nó vừa là sắc trần mà nó vừa là pháp trần, nghĩa là mình nghĩ về nó hoặc mình nhìn thấy nó. Còn những cái trên hành tinh này thì không có cái gì mà chúng ta không nhận biết được bằng các giác quan hết. Không có!

Đã nói là “cái gì” thì có nghĩa là đương nhiên nó là trần cảnh rồi. Bởi khi mình nói nó là “cái gì” thì tối thiểu nó cũng là pháp trần, đối tượng của ý thức. Còn không thì nó là đối tượng của mắt, của tai, thính giác, khứu giác, vị giác và xúc giác.

Tất cả những cái gì mình có thể nhận biết qua các giác quan vật chất thì cái đó được gọi cảnh ngũ, là vật chất. Còn những cái gì chỉ có thể nhận biết qua ý thức thì nó gồm có hai: nếu nó là sắc pháp thuộc về sắc tế; còn không thì nó thuộc về danh pháp.

Phân tích vậy cho bà con thấy: “Ồ, thì ra tất cả vũ trụ và vô lượng chúng sanh trong đó đều không nằm ngoài sáu căn, sáu trần”.

Nếu nói như vậy thì một vị tỳ kheo hay cư sĩ được gọi là thánh nhân chính là người khi mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm và ý suy nghĩ, không có phiền não. Có nghĩa là vị đó đầu có quan sát mặt trăng, mặt trời, nhìn ngắm tinh tú, hay tiếp xúc với con người, với chim muông, hay với vật dụng lớn bé, tất thấy vị đó không có thích thú, đam mê trong bất cứ cái gì; cũng không có bất mãn, ghét bỏ, trốn chạy bất cứ cái gì, thì vị đó đương nhiên, dứt khoát phải là thánh nhân.

Chúng ta sanh tử luân hồi là vì chúng ta không hiểu Bốn Đế là gì. Nói đến kinh này mà không nói Bốn Đế không được. Bốn Đế là cái nền của Phật pháp, mà cũng là cái nền của vũ trụ.

Sự thật đầu tiên: Khổ Đế

Tất cả mọi thứ ở đời đều là khổ. Những gì thuộc về sáu căn, sáu trần đều là khổ hết. Vì sao? Vì ba lý do.

Thứ nhất là không có cái gì nó bền hết. Có rồi phải mất nên được gọi là khổ.

Thứ hai gọi là khổ vì tất cả mọi thứ đều do nhân duyên mà có. Nó không tự có. Nó phải lệ thuộc rất nhiều điều kiện. Tôi nói nhiều lần lắm, lắm, lắm rồi. Có nghĩa là một hạt cát không phải tự nhiên mà nó có mặt ở đời. Một sợi tóc, một giọt nước không phải ngẫu nhiên mà có. Một giọt lệ, một nụ cười cũng không phải ngẫu nhiên mà có. Nó phải cần rất nhiều điều kiện, rất nhiều nhân tố mới có được.

Các vị đừng nói với tôi là miệng, môi, răng của các vị là của mình thì mình muốn cười lúc nào mình cười. Tôi e rằng đó là một sự ngộ nhận rất trẻ con. Các vị trên 18 tuổi các vị biết: môi của mình, răng, miệng của mình thì trúng. Nhưng không phải muốn cười là cười.

Bởi vì các vị tưởng tượng trong một ngày 24 tiếng, các vị có được bao nhiêu phút giây được vui, trừ ra cười đều, trừ ra cười gượng thì tôi không nói, nghe. Chớ nếu thật sự là vui thì trong một ngày như vậy có được bao nhiêu phút giây để các vị vui. Cho nên một nụ cười thôi cũng không đơn giản, nó phải nhờ nhiều điều kiện. Bệnh hoạn, cười không nổi. Nợ nần cũng cười không nổi. Bận rộn, lo toan cũng cười không nổi. Vấn đề của tâm lý, sinh lý đều có thể khiến mình cười không nổi.

Lý do khổ thứ ba là mọi hiện hữu ở đời đều là nền tảng, là cơ sở trực tiếp hay gián tiếp cho nỗi khổ, niềm đau. Tất cả cái gì trên đời này, “tất cả” và “trên đời”, đều có thể là điều kiện trực tiếp hay gián tiếp cho nỗi khổ, niềm đau.

Ví dụ bây giờ nói theo trong kinh, cảnh giới tái sinh cao nhất chính là Phi tướng phi phi tướng. Mình thấy trời ời, nó cao siêu quá, tại sao nó mắc mớ tới khổ? Có chứ. Chính vì có người đam mê thích thú ở trong cảnh giới đó nên người ta mới tu tập thiền định để được sanh về cảnh đó. Mà hể còn có tái sanh thì phải còn có luân hồi.

Lẽ ra mình không nên nắm níu, ôm giữ bất cứ thứ gì thì mình mới có thể giải thoát. Còn đấng này mình chỉ còn có một chút thích thú trong một sợi tóc, trong một ngọn núi, thích thú trong một cảnh giới tái sanh thì chúng ta hoàn toàn có cơ hội để quay

trở lại sanh tử. Chỉ còn một chút xíu thôi, một chút xíu tham ái, còn chút xíu thích thôi.

Thích cái gì? Thích trong sáu trần. Nếu thích trong năm trần vật chất thì ta quay lại với cõi Dục. Chúng ta thích thú trong thiền định Sắc giới thì chúng ta quay lại cõi thiền Sắc giới. Thích thú trong cõi thiền Vô sắc thì chúng ta lên cõi Vô sắc. Mà mãn thọ trên đó rồi sao ta?

Bữa hôm mình học rồi. Đức Phật Ngài dạy rằng các đệ tử coi các tầng thiền là phương tiện để tu tập Tuệ quán, lấy đó làm trốn dọt luôn không quay lui. Còn tất cả những...

Ai không lấy thiền định làm nền tảng Tuệ quán thì quả vị cao nhất họ đạt được là đắc chứng thiền định, sở hữu thần thông, sanh về Phạm thiên, sống hết tuổi thọ, quay lui tha hồ sa đọa như cũ. Mình mới học cách đây không lâu, nghe!

Sự thật thứ nhất: mọi thứ ở đời là khổ

Cho nên tại sao mọi thứ ở đời là khổ? Bởi vì mọi thứ đều trực tiếp hay gián tiếp làm nền tảng cho nỗi khổ niềm đau, bởi vì nó là trần cảnh mà. Mà hễ cái gì nó là trần cảnh mà mình thích thì đó chính là nền tảng cho cái khổ gián tiếp. Còn nếu nó là cái mình ghét, sợ, chán, không ưa, không khoái thì nó là điều kiện trực tiếp cho cái khổ nói chung.

Sáu trần xa nhất, gần nhất, vi tế, thô thiển, điển hình, tất cả đều mắc trong ba cái này hết: một là do duyên mà có; hai là có rồi phải mất; ba, nó là điều kiện trực tiếp hay gián tiếp cho một nỗi khổ niềm đau nào đó. Cho nên sự thật đầu tiên chính là mọi thứ ở đời là khổ.

Sự thật thứ hai: thích trong khổ

Sự thật thứ hai: bất cứ cái gì chúng ta thích cũng là thích trong khổ. Mà hễ thích trong khổ có nghĩa là mình đang kín đáo, âm thầm mình đầu tư một cái khổ khác.

Sự thật thứ ba: muốn hết khổ thì không còn thích trong cái khổ nữa

Sự thật thứ ba: muốn hết khổ thì không còn thích trong cái khổ nữa. Đam mê xài đồ hiệu, nhà lầu xe hơi, vợ đẹp con ngoan, chồng bánh thì tất thấy đều là thích trong khổ hết. Vì những thứ đó do duyên mà có, có rồi phải mất. Và những thứ đó đều là nền tảng, là cơ sở gián tiếp hay trực tiếp cho nỗi khổ niềm đau, hồi này tôi mới giảng rồi.

Bây giờ muốn hết khổ thì không tiếp tục thích trong đó nữa. Mà không phải miệng nói không thích là không thích, mà chúng ta phải có sự hành trì nhất định. Với sự hành trì ấy, cộng với ba-la-mật tiền kiếp, tức là phước duyên giải thoát tiền kiếp, chúng ta mới có một thứ trí tuệ gọi là thánh trí.

Cái nhận thức bằng thánh trí mới đủ cắt đứt những ngộ nhận, mê lầm, điên đảo mộng tưởng. Có nghĩa là mình không tiếp tục thích và ghét trong sáu trần, sáu căn nữa. Chớ còn nhận thức bằng trí tuệ phàm phu nó rất là hạn chế, nó rất là tương đối.

Hôm nay mình đi chùa nghe giảng Kinh, thuyết Pháp, mình hiểu cái này cái kia, mình tưởng vậy là xong. Chưa đâu! Bởi vì nhận thức của mình nó vẫn còn nằm trong cái giới hạn của phàm phu.

Ví dụ về ngộ nhận và bằng chứng trực tiếp

Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần, các vị giận tôi, bây giờ muốn hết giận tôi thì các vị phải có bằng chứng là tôi đã không làm gì các vị. Chứ còn chỉ nghe ai đó an ủi, giải thích, xoa dịu, chưa đủ đâu.

Rõ ràng tôi chửi các vị nặng lắm. Thì bây giờ các vị phải kiếm cho ra được cái clip nào trong buổi nói chuyện nào đó mà các vị được nghe kể lại đó, các vị phải kiếm cho ra cái clip đó. Để coi: “Ồ, thì ra là do mình hiểu lầm!”

Nhớ nghe, chớ còn má mình, ba mình, vợ mình, chồng mình, bạn bè mình, sư phụ mình, bạn đồng tu ở chùa mình can gián, xoa dịu, giải thích cỡ nào đi nữa, bởi vì sao?

Bởi vì tất cả những cái đó không đủ để thuyết phục mình. Phải chính mình coi cái clip đó thì mình mới tin là: “Ồ, thì ra mình hiểu lầm.”

Ở đây cũng vậy. Với cái kiểu hiểu của phàm phu, mình chỉ nghe mấy ông thầy, mấy ông Pháp sư chỉ xoa dịu, trấn an, giải thích; nhưng chính mình phải hành trì và chính mình phải thực chứng, phải thể nghiệm:

“Ồ, thì ra cái thân này nó như vậy đó. Cái thân này chỉ là sáu căn, sáu trần. Mà sáu căn, sáu trần đó chỉ là sự lắp ráp. Khi mình sống bằng sáu căn, sáu trần thì có lúc mình vui, có lúc mình buồn, có lúc mình thiện, có lúc mình ác. Cái ác hồi nãy không là cái ác bây giờ. Cái vui hồi nãy không là cái vui bây giờ. Cái con người cũ của mình nó đã chết rồi. Bây giờ mình đang sống bằng một con người mới hoàn toàn.”

Sống chánh niệm để thấy mình là đồ lắp ráp

Đây chỉ là lý thuyết thôi. Để thấy được cái này trước mắt là quý vị phải tu tập Tuệ quán, sống chánh niệm. Rồi khi nào đắc chứng thánh trí, cái chuyện đó là khỏi nói, nhưng trước mắt là phải sống chánh niệm, các vị mới có cơ hội thấy được ít nhiều thế nào là lắp ráp.

Phải thấy mình là cái đồ lắp ráp thì quý vị mới an lạc được, không sợ chết và không còn ham sống, không còn thích hưởng thụ nữa. Phải như vậy. Phải thấy mình là đồ ráp. Mà cái thấy này không phải qua trang sách, qua những băng giảng, mà là qua chính đời sống chánh niệm, làm gì biết nấy.

Buổi đầu mình thấy nó rất tầm thường. Mình thấy làm gì biết nấy có gì đâu mà hay. Nhưng về lâu về dài sẽ có một ngày mình thấy con người của mình hồi nãy hoàn toàn biến mất. Nó nhường chỗ cho con người hiện tại. Và con người hiện tại này nó chỉ tồn tại trong ít lâu thôi, quý vị. Ít lâu thôi.

“Ít lâu” đây nói rất ráo là trong từng sát-na, nhưng đâu bự mình làm sao hiểu được chuyện đó. Cho nên thấy “ít lâu” ở đây tùy người. Người trí tuệ sắc bén, trí tuệ ngon

lành thì họ thấy “ít lâu” đó là chỉ có một phút thôi, ba mươi giây thôi. Còn người ngu quá thấy nó hơi dài hơn chút. Họ thấy cái “ít lâu” này có thể năm phút, mười phút hoặc là một giờ, hai giờ.

Họ thấy hồi sáng tôi vui, bây giờ tôi buồn. Họ thấy như vậy đúng đó, nhưng mà nó rất lỏng lẻo, nó rất loãng. Nó phải chặt chẽ, khít khao hơn nữa kìa. Không có cái chuyện sáng này, mà phải nói là một phút trước đây tôi không phải là tôi bây giờ. Phải thấy như vậy đó.

Hoặc là trong hơi thở trước đây, tôi không phải là tôi bây giờ. Trong hơi thở ra mình là một con người khác. Trong hơi thở vào mình là một con người khác. Đó là nói tương đối.

Còn nếu nói rõ ráo, trong sát-na trước, trong dòng tư tưởng trước tôi là người khác; trong dòng tư tưởng sau tôi là người khác. Còn nói rõ ráo nữa là trong sát-na trước tôi là một người khác, còn trong sát-na sau tôi là một người khác.

Không biết trong room còn nhớ cái này hay không, khổ vậy đó! Có nghĩa hồi mình chưa biết Đạo, mình thấy mình là một cái line. Học Đạo rồi, mình thấy mình là spot, từng đốm, từng mảng. Rồi cuối cùng mình thấy mình là dot, là từng chấm. Nhiều cái chấm cộng lại nó thành ra một bức tranh.

Trong tâm sinh lý cũng vậy, nhiều cái chấm buồn vui, thiện ác cộng lại mới thành ra cái gọi là A, B, C, F, thằng Tý, thằng Tèo, bà này, ông kia, con Lan, con Cúc, con Hương, con Đào, con Yến gì đó. Tất cả đều là do những cái chấm chấm, chấm chấm, chấm chấm thiện ác, buồn vui nó cộng lại.

Tôi nhắc lại lần nữa, các vị có vào room này nghe để bổ sung giáo lý, kiến thức thì được, chớ còn mong đợi nghe cái này sống y chang như những gì các vị được nghe đó thì không được. Các vị phải dẹp hết. Phải dẹp hết! Sống chánh niệm! Sống chánh niệm triệt để, tuyệt đối. Tôi nhắc lại lần nữa,

Nhiều người thấy cái gì nó bình thường thì thấy nó tầm thường. Mà hễ thấy nó tầm thường thì coi thường. Chớ đời sống chánh niệm nó xuất sắc lắm quý vị. Tác dụng nó là vô cùng lớn. Thậm chí nó là con đường duy nhất để chúng ta được an lạc hiện tiền. Nó cũng là con đường duy nhất để chúng ta thành tựu giải thoát. Nó là con đường duy nhất, không có con đường thứ hai. Anh chỉ có sống trong chánh niệm thì anh mới làm được những chuyện sau đây.

Thứ nhất, anh phải sống chánh niệm, trí tuệ anh mới có cơ hội để nó làm việc, để nó thấy rằng mọi thứ do duyên mà có. Mọi thứ có rồi phải mất. Chỉ có người chánh niệm mới có đủ điều kiện tâm lý để nhận ra cái đó.

Thứ hai, khi các vị sống chánh niệm thì mới có dịp thấy rằng mọi thứ thương thích, ghét sợ đều là điên đảo mộng tưởng. Ở đây chúng ta phải nhắc đến sự khác biệt giữa một người tỉnh, một người bình thường với một người tâm thần.

Cái người được gọi là tâm thần bởi cái nhìn của ảnh nó sai sự thực. Thí dụ ảnh thấy cái đó bỏ vô miệng ăn được, trong khi mấy người bình thường thấy đó là đồ dơ. Cái đó đã là trong thùng rác, là rác rồi, nhưng với anh tâm thần ảnh có thể bốc ăn.

Cách đây nhiều năm, năm chín mươi mốt, chín ba, chín bốn gì đó, tôi ở Chợ Lớn. Chiều tôi đi học tiếng Tàu, ngày nào tôi cũng gặp một người phụ nữ lem luốc, nó dơ đến mức tôi không biết tuổi tác luôn, nó dơ quá, như con heo mọi vậy đó. Coi như chiều chiều là nàng không mặc gì hết. Tôi không biết là nàng như vậy suốt ngày hay không. Mà cứ đúng giờ đó tôi đi ngang thì ngày nào cũng như ngày nào, tôi thấy nàng trụi lủi, mà mình mấy nàng hơn con heo mọi.

Nàng leo lên đồng rác chỗ góc đường Nguyễn Trãi với cái đường gì mà hồi đó tôi học trường Lý Phong. Nguyễn Trãi, quận 5 đó. Tức là mình ở Hưng Đạo B cắt đường, đi bộ qua Nguyễn Trãi. Không biết trong room này biết không?

Thì nàng cứ trần truồng, ngồi đó cười cười, cười cười, bốc cái này cái kia nàng ăn. Nó gớm muốn chết. Mà các vị thấy cái này các vị còn gớm nữa. Tức là nàng cứ như

vậy lâu ngày thì làm như nàng quen với đám chuột cống ở đó luôn. Con chuột to đùng, không có lông mà ghẻ không.

Thì coi như trên cái đồng rác to mà nó nhập nhoạng nửa sáng nửa tối, xe đi ngang bóp kèn rồi nhá đèn một cái, chuột nó chạy tán loạn, rồi xong rồi thì cũng bình thường. Mình đi ngang, tôi ở đó nhiều ngày, chiều chiều đi ngang thấy có những con chuột to đùng. Thì nàng móc ở đây nàng ăn, ở đằng kia chuột nó cũng bò chút chút, nó cũng ăn.

Tại sao gọi là tâm thần? Bởi vì nàng không hề có một ý thức tối thiểu về cái gọi là vệ sinh hay là bệnh tật, hay là thẩm mỹ, hay là cái nhìn của thiên hạ về mình ra sao. Tất cả đối với nàng đều là zero. Nàng đã đứng ngoài cuộc đời rồi. Đó không phải là “thể ngoại cao nhân” mà là tâm thần!

Thì trong cái nhìn của thánh nhân, phàm phu cũng là tâm thần, là vì chúng ta không phân biệt được cái gì nên và không nên. Chúng ta cứ cầm đầu gục mặt, chúng ta chạy theo cái mình thích và chối bỏ cái mình ghét. Trong cái nhìn của thánh nhân thì không có cái gì chối bỏ hay là theo đuổi hết.

Cho nên ở đây Đức Phật Ngài nói một vị tỳ kheo mà hiểu được những điều này giờ tôi nói đó, hiểu được bằng trí tuệ thánh nhân nghe, chứ không phải hiểu kiểu vẹt, kết, nhồng, cưỡng đầu nghe, mà hiểu bằng sự thực chứng, thể nghiệm, thì vị tỳ kheo đó đối trước 6 trần không có thương thích, cũng không có ghét sợ. Không có bất mãn, không nắm níu, không đam mê mà cũng không trốn chạy, tổng khứ.

Có nghĩa là: “Việc nên làm thì làm, không cầu kết quả. Việc nên làm thì làm thôi”.

Và lỡ như có một cái gì đó xảy đến làm cho vị này phải bị đau đớn như cái nóng lạnh, thương tích, máu me, trầy xước, vị đó thanh thản. Bao nhiêu tiếng đời dị nghị, khen chê đối với vị này là zero, là nothing.

Là bởi vì vị này đã đạt tới mức không phải không phân biệt như cái bà điên kia. Bà điên là đã đánh mất ý thức về khoa học, về xã hội. Còn vị này thì cái gì cũng biết hết, nhưng vị này xét thấy rằng nó không có cái gì để cho mình phải thương thích, ghét sợ.

Còn bà kia bà không có cái thấy như mọi người, nhưng bà có thấy theo cách của bà. Bà thấy đồng rác đó là đáng thích, là khoái khẩu, là ngon miệng, là thơm tho. Vấn đề nó kẹt chỗ đó, chớ đừng nói thánh nhân với người tâm thần giống nhau. Không phải! Vị thánh nhân không thích bất cứ cái gì, cũng không bất mãn bất cứ cái gì.

Trong Kinh có câu: “Tất thấy phàm phu đều là người mất trí” là như vậy đó.

Đức Phật Ngài dạy một tỳ kheo mà hiểu rất ráo vấn đề, vị ấy thấy rõ toàn bộ vũ trụ và vô lượng chúng sanh chỉ là 6 căn, 6 trần. Tất thấy do duyên mà có. Có rồi phải mất. Tất thấy những thương thích, ghét sợ đều là điên đảo mộng tưởng.

Do thấy vậy nên vị thánh đối trước sáu trần không có đam mê thích thú, cũng không có tổng khứ trốn chạy; thì vị tỳ kheo ấy được xem là ruộng phước, là phước điền cao cấp nhất ở đời. Được xem là đối tượng đáng để chư thiên và các loài chấp tay lễ bái.

Có nhiều lý do để vị này đáng được chấp tay lễ bái.

Thứ nhất, trên đời này chúng ta có thể cúi đầu quỳ lạy rất nhiều đối tượng: ông Tà, ông Táo, rồi thần này thánh kia, miếu này đền nọ, trước bất cứ một đối tượng nào trong tưởng tượng hay thực tế ngoài đời. Nhưng thánh nhân sở dĩ đáng được xem là đối tượng lễ bái vì không có sự lễ bái nào đem lại công đức lớn hơn sự lễ bái đối với thánh nhân.

Dầu không có người trước mặt, mà chỉ nghĩ tưởng thôi, chấp tay lại rồi nghĩ tưởng rằng: “Con xin lạy tất cả những cha nào không còn phiền não. Chuyện đó rất khó thực hiện mà các Ngài đã làm được, con xin lạy các Ngài”. Chỉ nghĩ như vậy rồi lạy

bừa ra ngoài rừng, ngoài bụi, công đức vẫn vô lượng, nói chi là có một đối tượng cụ thể, điển hình ngay trước mắt.

Cứ mỗi sáng chỉ làm một việc đó thôi, chắp tay lại và khấn:

“Con xin cúi đầu trước tất cả những người đang tu tập cái hạnh kham nhẫn. Con xin cúi lạy trước tất cả những người đang tu hành từ tâm, chánh niệm, thiền định, buông bỏ. Con xin cúi lạy tất cả những nhân vật nào mà đối trước sáu trần lòng không tham sân”.

Con xin lạy hết các cha, không sót cha nào hết, thì đó đã là công đức rồi. Còn hơn là dựng lên một cái tượng sơn son thếp vàng, kêu réo một cái tên xa lạ nào đó, quỳ lạy xin được ban phước tha tội mà không hề có được một nhận thức như tôi vừa nói. Thì cái lạy ấy là

Cái lạy của trẻ con, của người tâm thần, của người bị ngây dại, của người lú lẫn, cái lạy không có ý nghĩa.

Trong khi đó, một người tu tập học Phật, hiểu Phật và tin Phật, không cần tượng gì hết, chỉ cần quỳ lạy khơi khơi. Cái vấn đề là cái đầu mình suy nghĩ: “Trên đời này, tất cả thầy phàm phu đều có thích, có ghét. Nhưng con biết dưới gầm trời này có những người không còn thích, không còn ghét, luôn luôn sống trong từ bi và trí tuệ. Trước muôn loài vạn vật, không tham đắm, không ghét bỏ cái gì. Con xin cúi lạy dưới chân mấy người đó.”

Đấy, nghe, cái đó công đức vô lượng.

Chứ đằng này cứ chống mộng, gục mặt, cúi đầu đi lạy những thần tượng mà chớ hề có một khái niệm trí tuệ nào trong đầu hết, thì cái đó là gieo mầm cuồng tín cho kiếp sau.

Tôi nói cho các vị nghe các vị teo. Nếu hôm nay mình là Phật tử mà coi như quỳ lạy sì sụp, mà trong đầu không có nổi một tí ti kiến thức giáo lý, các vị tưởng như vậy là

ngon lành, tôi xin báo một tin buồn: hôm nay mình đến với đạo mà chẳng hiểu gì về Phật pháp, do thấy người ta sao mình vậy, thì chuyện mai này sanh ra các vị làm tín đồ của cái đạo tào lao, cái chuyện đó cực kỳ dễ dàng.

Chớ đừng nói với tôi: “Tôi là Phật tử Phật tôn.” Không có đâu! Hễ mình theo Phật cái kiểu nông cạn, cái kiểu dễ dàng, dễ dãi, thì đời sau kiếp khác sanh ra gặp cái đạo tào lao cà chớn, mình theo nó rất là dễ. Bởi vì ngay lúc mình gặp Phật là mình đã không chịu tìm hiểu mà mình vẫn cầm đầu mình theo. Theo cái kiểu năm ăn năm thua, thì mai này sanh ra mình gặp mấy cái đạo tào lao cà chớn, mình theo rất là dễ. Buồn buồn nó kêu ôm bom tự sát là mình ôm. Nó kêu mình cắt cổ gà, giết heo, giết bò gì đó để cúng bái là mình làm luôn. Là bởi vì mình không có một cái chủ kiến, không có một bản lĩnh nhận thức.

Cho nên đừng tưởng có pháp danh, có tượng Phật đeo trên cổ, rồi có một ông sư phụ thỉnh thoảng chạy lên chạy xuống, thì đó là Phật tử. Thì coi như là nhầm lẫn.

Cho nên phải hiểu như vậy mới thấy bài kinh này nó sâu kinh hoàng. Bài kinh nói gọn là như vậy, nhưng nói sâu là tại sao? Nó sâu ở chỗ chỉ riêng bài kinh này đã gói gọn ba tạng: Kinh, Luật, Luận trong đó rồi.

Nội dung tạng Luật là những đề nghị của Đức Phật cho Tăng Ni, cho người xuất gia: các người đối với sáu trần, các người nên như thế này mà không nên như thế này.

Tạng Kinh là những pháp thoại cụ thể mà chúng ta đang học đây. Tức là thông qua những lần gặp gỡ các đối tượng, Đức Thế Tôn tùy duyên mà đem nội dung kinh này nói với những cách thức khác nhau, tùy vào căn cơ, cơ địa của mỗi người. Cho nên những pháp thoại ấy được gọi là Kinh tạng.

Còn A-tỳ-đàm là hệ thống giáo lý mà xuyên qua đó Đức Phật nói rõ Luật tạng là gì. Ngài phân tích Luật tạng, phân tích Kinh tạng theo cái nhìn rất ráo.

Chẳng hạn như có ba hạng người cầu đạo giải thoát.

Bậc thượng căn thấy rằng mọi thương, thích, ghét, sợ đều là điên đảo mộng tưởng. Thấy hết thấy những thiện ác, buồn vui đều là “giả hợp” mà có.

Bậc trung căn thấy rằng làm ác phải bị khổ, làm thiện thì được vui. Nhưng cái vui ấy không có bền. Vị đó thấy mọi thứ đều vô ngã, vô thường. Tức là vị đó còn quan tâm đến “cái gì đó”, nhưng cũng hiểu rằng mọi cái đều là vô ngã, vô thường.

Bậc hạ căn, vị này cũng cầu đạo giải thoát mà thấy rằng hễ còn luẩn quẩn loanh quanh trong ba cõi sáu đường thì sớm muộn gì cũng làm chó, trâu, heo, ngựa, địa ngục, ngạ quỷ, a-tu-la, thấy ghê quá! Bậc hạ căn họ suy nghĩ như vậy.

Còn bậc trung căn thì vị đó xét thấy rằng mọi thứ đều là vô ngã, vô thường.

Còn bậc thượng căn là không có gì hết. Tất cả đều là do duyên giả hợp thôi. Không có nam nữ, đực cái, trắng má, đẹp xấu, trong ngoài, trên dưới, trắng đen, mập ốm, dài ngắn, bla bla bla... Tất cả đều là đối đãi nhị biên và là điên đảo mộng tưởng.

Sẵn ở đây tôi xin cúi đầu lạy tạ tất cả những tấm lòng mà có nhã ý, thiện ý, hảo ý chép lại mấy bài giảng của tôi, thì tôi xin các vị làm ơn từ bỏ ý nghĩ đó dùm.

Là vì hai lý do.

Mấy năm qua cô Diễm Tuyết rất là giỏi tiếng Việt, cổ chép. Cổ thấy chỗ nào tôi lặp đi lặp lại, cổ cắt, cổ xén. Về khoản chánh tả thì không có gì phải phàn nàn. Và cổ là người có kiến thức bách khoa mà tôi tin. Ngoại ngữ, cổ thấy chữ này hỏng xong, cổ biết cổ đi, cổ tra. Và cổ có đề nghị chúng tôi rà soát lại trước khi đem in. Chuyện đó chúng tôi sẽ làm song song với cái thiện viện Miến Điện trong năm 2019.

Và tôi chỉ có đủ sức khỏe và thời gian cũng như cảm hứng để đọc lại một bản đó mà thôi. Chớ chúng tôi không có đủ điều kiện tâm lý, thời gian, sức khỏe để các bản khác. Mà nếu tôi không có điều kiện để rà soát những bản khác, thì không có gì kinh hoàng cho bằng các vị chép mà để tên tôi, mà trong khi tôi chớ biết các vị ghi cái gì trong đó.

Tại sao tôi lại nhớ đến chuyện này? Là bởi vì tôi mới vừa có chánh niệm để nhận ra rằng mình nói quá nhanh một cái đoạn mà tôi e rằng người khác khó chép lại kịp. Mà có một đồng chí nữ của tôi ở Việt Nam, ở Mỹ, có một bản hạnh rất độc đáo: cái chỗ nào nàng nghe không kịp thì nàng bèn dùng cái não trạng của nàng, nàng tưởng tượng gò ép để ra một chữ mà nàng thấy khoái. Thế là khi tôi đọc lại bài viết của nàng, tôi chỉ có nước khóc thôi. Giọt lệ A Tư Đà, vô cùng đau lòng, nghe!

Cho nên xin các vị muốn chép của ai thì chép, nhưng riêng phần của chúng tôi thì xin các vị mở lòng đại từ đại bi rút lui ý tưởng đó dùm. Bởi vì chúng tôi không đủ thời gian, sức khỏe, cảm hứng để đọc lại cái bản thứ hai. Đọc một mình cô Nhị Tường nó nhẹ nhàng. Ít nhất đọc chỉ có một, nó không mệt. Thứ hai là đọc rất nhẹ, bởi cổ đã nhổ lông, cắt móng, đánh vảy trước rồi, nên chúng tôi chỉ đảo mắt sơ, nhúng nước sôi là xong. Đẳng này bắt chúng tôi phải mất nhiều công hơn nữa cho nhiều bản chép khác nhau, chúng tôi chỉ có chết thôi. Nghe, tôi van xin, cầu khẩn, lạy lạy các vị. Rồi.

Bây giờ mình ôn lại ba cái hạng hồi nãy.

Bậc thượng căn thấy mọi thứ đều là giả hợp do duyên mà có. Tất cả những thương, thích, ghét, sợ đều là điên đảo mộng tưởng.

Các vị đó thấy mọi thứ có ở đời đều là vô ngã, vô thường; có rồi phải mất. Bản thân cái thích là một cái khổ, kiếm tìm là một cái khổ. Tìm không được là khổ, tìm được rồi mà phải bảo quản là khổ, mà bảo quản không được cũng là khổ.

Đó là bậc trung căn bị ám ảnh bởi cái khổ. Còn cái hạng thứ nhất là họ bị ám ảnh bởi cái vô ngã.

Rồi.

Cái hạng thứ ba, hạng hạ căn thì họ bị ám ảnh bởi cái khổ cụ thể. Có nghĩa là họ xét thấy rằng hễ còn quần quanh trong ba cõi sáu đường thì thế nào cũng phải lăn lóc, trôi nổi trong bốn đường khổ.

Chúng ta trong room ai cũng đồng ý rồi: một ngày như vậy, những phút giây để cho mình cười ít hơn những phút giây mình không cười. Một ngày như vậy, những phút giây mình sống thiện nó ít hơn phút giây sống bất thiện.

Từ đó suy ra, nếu bản thân mình giây phút vui ít buồn nhiều, thiện ít ác nhiều, thì thiên hạ cũng vậy thôi, we are the same! Mà nếu như vậy, các vị tướng tượng có phải rùng rợn lắm không: một cõi hiện hữu mà trong đó vui ít buồn nhiều, thiện ít ác nhiều. Có nghĩa ngay hiện tại vui ít buồn nhiều, mình đã thấy ứa lệ rồi; mà nếu thiện ít ác nhiều thì tương lai tiếp tục ứa lệ và trào máu nữa.

Các vị trong room có hiểu chỗ này không? Hiện tại đã khổ, mà do thiện ít ác nhiều thì kiếp sau cũng khổ luôn. Thấy như vậy vị hạ căn mới sợ, mới cầu giải thoát. Nhớ nhé!

Và vì ba vị thượng, trung, hạ căn thấy như vậy cho nên trước sáu trần các vị e dè lắm. Giống như một người lính ở chiến trường biết chung quanh đây toàn là bẫy mìn của đối phương, nên giờ họ có nhìn thấy cái gì đi nữa, dầu đó là một người đẹp hay một cái hoa, hay thấy cái gì hấp dẫn nhất, họ cũng không dám lơ đãng. Bởi vì sễnh một chút là nổ banh xác.

Các vị có biết trong quân sử bộ đội chiến trường Tây Nam 1978, các vị kể nhiều chuyện động trời lắm. Mấy đồng chí bộ đội của ta đi hành quân mấy ngày, đói quá sức đói, mà ăn ba cái lương khô của Trung Quốc ngán quá đi. Rồi thấy nguyên cái lưới cá suối, cá sông dày đặc, con cá to đùng dưới suối nó giẫy, mấy đồng chí mình mới nhào xuống. Mới vừa chạm vô cái lưới là coi như nó nổ, nó hốt một lần mấy em vậy đó.

Rồi đi lên rừng lên núi mà gặp mấy trái mít to đùng, nặng trĩu, oằn xuống. Các đồng chí nhào tới vừa bợ trái mít: nổ! Ai làm cái đó? Pôn Pốt, nghe! Nó biết trước hết. Nó biết mấy cái bẫy này là mấy đồng chí bộ đội mình, những người đi hành quân lâu ngày, thèm lắm. Thèm cái thiện, thèm chất tươi, thèm cá, thèm trái này trái kia.

Nguyên một buồng chuối thơm phức vậy đó mà nó để trái nổ trong đó, chạm vô là nó hốt một phát mảy em.

Lâu ngày mấy đồng chí bộ đội mình thấy cái gì ngọt ngào, hấp dẫn đều sợ hết. Kể cả mấy cô thôn nữ dễ thương nhào ra nói tiếng Miên, tiếng Việt với mấy đồng chí mình, nhưng nó là Pôn Pốt đó. Nó chỉ điểm cho tụi kia xử mình đó. Cho nên trên đường gặp gái đẹp không nhìn, gặp món ngon vật lạ không dám dòm, cứ cầm đầu mà đi hành quân. Chỉ ăn uống những gì mà cấp trên cho phép. Dễ sợ như vậy!

Coi như nguyên một quân đoàn đó toàn là hành giả Tứ Niệm Xứ không, mặc dù họ không biết Phật là gì, bởi vì lúc nào họ cũng phải chánh niệm tỉnh giác!

Thì hành giả Tứ Niệm Xứ cũng vậy. Khi họ biết rõ những điều mình nói này giờ, họ đối với sáu trần cực kỳ cảnh giác. Chỉ cần sênh một tí, sơ ý một tí thôi là chết thẳng cẳng.

Bài Kinh số 2: Đáng Được Cung Kính (2)

Bài Kinh này nói một tỳ kheo thành tựu Lục thông. Tôi nói luôn về Lục thông.

Trước khi Đức Phật ra đời thì có nhiều người trên hành tinh này cũng tự biết tu tập thiền định, nhưng cảnh giới cao nhất của họ là đắc chứng Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền Sắc giới. Sau đó nếu ngon lành nữa thì lên như ông A Tư Đà. Ông lên tới Phi tưởng phi phi tưởng, rồi sao nữa? Chết sanh về Phạm thiên, sống hết tuổi thọ, trở lại như cũ, coi như chưa có gì xảy ra.

Nếu hên, lúc rớt trở xuống gặp mình sư thiện hữu họ nhắc nhở tu hành thì vị đó tu hành ngon lắm. Cái trốn nó còn, tu thiền trở lại như cũ. Mà cái khả năng này rất thấp, cực kỳ thấp. Cái chuyện mà gặp được người ly dục, nhàm chán ngũ trần là hiếm. Gặp người biết hướng dẫn mình tu tập thiền định lại càng hiếm hơn. Cho nên có dịp may mắn đắc thiền rồi về trên kia ít bữa, sống hết tuổi thọ, nó rớt trở xuống là cứ là lối cũ mà đi.

Khi Đức Thế Tôn ra đời, Ngài mới dạy cho biết rằng: Ta không có chệ thiên định, không có chệ thần thông, không có chệ cái chuyện sanh về cõi lành, ta không có chệ. Nhưng phải nhớ rằng tất cả đều là của tạm, không có bền. Tuy nhiên, thiên định ấy nếu được sử dụng như một phương tiện để hỗ trợ trí tuệ thì nó là của báu. Còn nếu mình tu tập thiên định để cầu được sanh về các cõi Phạm thiên, để được thần thông biến hóa, thì cái đó là bậy, rất là bậy. Còn nếu mình tu tập thiên định để lấy cái sức định tâm đó mà quán chiếu, quan sát năm uẩn, mười hai xứ, thì cái đó quá tuyệt.

Cho nên Đức Phật ngài dạy rằng một người tu tập thiên định mà biết Phật Pháp thì dầu muốn dầu không, khi đã đắc Ngũ thiên Sắc giới, vị ấy do túc duyên quá khứ, chỉ cần nhúc nhích ngón tay thôi là có thể đắc được các loại thần thông.

Nhúc nhích là sao? Không giải thích chắc trong room này tưởng luyện thông là bằng cách nhúc nhích ngón tay thì chết luôn. “Nhúc nhích ngón tay” có nghĩa là vị ấy chỉ cần liếc nhìn màu xanh trên lá thôi, nhìn cái lá màu xanh là vị ấy đắc thần thông màu xanh.

Thay vì người khác là người ta phải để cái vòng tròn hoặc một miếng vải, một miếng ván, miếng gì mà sơn xanh đó, người ta nhìn cái đó, người ta niệm lâu ngày mới đắc thiên định từ cái đề mục đó. Còn mình không cần. Mình đã đắc thiên rồi, mình đã đắc bằng cái đề mục nào đó, bây giờ muốn luyện thần thông rất là dễ. Chỉ cần nhìn cái lá màu xanh là mình đắc được thần thông màu xanh.

Cái loại thiên định mà lấy màu xanh làm đề mục thì tôi gọi tắt là thần thông màu xanh. Rồi họ liếc cái gì màu trắng, trắng đây có thể là hàm răng hay một viên sỏi thôi, là họ có thể đắc thiên màu trắng.

Khi họ thành tựu được thần thông từ mười thứ đề mục sau đây: đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không, ánh sáng, thì với mười đề mục này họ có thể tha hồ hóa hiện các loại thần thông.

Thí dụ như đề mục màu trắng, mình đặc thiền bằng đề mục màu trắng thì mình có khả năng tạo ra mọi thứ màu trắng và mình có thể tạo ra ánh sáng được. Không biết trong room có hiểu không ta? Thí dụ với đề mục màu trắng, tôi muốn nguyên ngọn núi này màu trắng đi. Tôi chỉ chú nguyện: “Trắng đi!” Là nó trắng toát, nguyên một ngọn núi trắng tinh vậy đó. Bây giờ trong đêm mà tôi muốn mọi thứ sáng lòa đi, tôi chỉ nhập thiền đề mục màu trắng là lát sau sáng trưng.

Rồi khi tôi đặc thiền đề mục màu vàng thì tôi có thể biến ra mọi thứ màu vàng. Thậm chí tôi có thể tạo ra ánh sáng vàng như ý tôi muốn.

Còn đề mục đất là sao?

Có nghĩa là khi vị ấy tập trung vào miếng đất, niệm: “Đất, đất, đất, đất...” và đặc thiền từ đề mục ấy. Khi vị ấy muốn, vị ấy chỉ suy nghĩ trong bụng thôi: “Có một con đường đất đi!” là có liền. Cho nên vị đó có thể đi trên hư không, đi trên không khí, đi trên nước, đi trên không gian mà không bị cản trở bởi hấp lực của trái đất.

Bởi vì sao? Bởi muốn hóa hiện thần thông thì anh phải đặc Tứ thiền, nói theo Tạng Kinh; Ngũ thiền, nói theo A-tỳ-đàm. Mà đạt tới cảnh giới Tứ thiền thì vị ấy không phải cần đến oxygen nữa, vị ấy không còn thở nữa, và thân xác vị ấy không còn bị lệ thuộc, bị ràng buộc bởi hấp lực của trái đất nữa.

Tôi nhắc lại, chỉ tu thiền để có thần thông thì Đức Phật chê. Nhưng nếu tu thiền mà để lấy đó làm nền tảng tâm lý để tu tập Tuệ quán thì Đức Phật khen. Lúc đó Đức Phật gọi thiền đó là Định trong Tam học: Giới - Định - Tuệ.

Còn nếu chỉ tu thiền để đặc thần thông, để hóa hiện tùm lum tà la, rồi chết sanh về Phạm thiên, thì thiền định đó không phải là Định trong Tam học.

Cũng giống như tiền, có lúc mình gọi nó là tiền vốn, có lúc gọi nó là tiền lãi. Trong room có hiểu này không ta? Trong room có hiểu không? Cũng là tiền, sở dĩ gọi là tiền vốn là vì mình dùng tiền đó để đầu tư một cái gì.

Một thằng ăn nhậu cầm một cục tiền, thằng đi làm ăn cũng cầm một cục tiền y chang nhau, không khác gì hết, chỉ khác serial number thôi. Nhưng có một điều: cái thằng đi làm ăn thì sau đó nó kiếm được 5 lần, 10 lần hơn cục tiền đó. Còn thằng ăn nhậu bài bạc thì lát sau nó đã mất số tiền đó rồi, mà nó còn cầm cố để trả nợ trong sòng bạc, nó bước ra còn có cái xà lỏn. Cái chuyện đó rất bình thường, các vị biết không? Đánh bài xong còn có cái xà lỏn.

Cũng đồng tiền đó thôi, nhưng nó là tiền hại người hay giúp người là tùy mình.

Thiền định y chang như vậy. Có kẻ tu tập thiền định để lấy đó làm phương tiện, điều kiện, làm lợi khí để tu tập Tuệ quán, chấm dứt sanh tử. Nhưng cũng có kẻ lấy thiền định đó để cầu thần thông biến hóa, cầu sanh về Phạm thiên, rồi sống hết tuổi thọ trên đó, lại tiếp tục sanh tử như xưa.

Lục thông là gì?

Ở đây lục thông là gì? Phật dạy có những người nhàm chán sắc, thanh, khí, vị, xúc, tu tập thiền định. Nếu biết thêm Phật pháp thì khi tu thiền định rồi, họ mới lấy thiền định đó làm sức mạnh định tâm để tu tập Tuệ quán, chứng đắc thánh trí, chấm dứt phiền não.

Lúc đó tuy lòng không còn thiết tha chuyện hóa hiện thần thông, nhưng bây giờ lỡ đắc rồi. Hồi nãy tôi nói nó dễ ẹc, là chỉ cần nhúc nhích ngón tay thôi. Đồng thời, một vị A-la-hán có thần thông thì đỡ cực hơn một vị A-la-hán không có thần thông. Bởi vì có những trường hợp, để giải quyết một chuyện gì đó, các vị đó có thể dùng thần thông. Đó là chưa kể chuyện giúp người.

Thí dụ mình thấy ngài Ca Diếp lúc vua A-xà-thế được chia xá lợi của Thế Tôn, vua kiến tạo bảo tháp tôn trí. Vua mới nhờ ngài Ca Diếp tự tay tôn trí, an vị tháp xá lợi vào trong lòng tháp.

Ngài mới chú nguyện bằng thần thông, nói rằng:

“Kể từ hôm nay trở đi, tháp được phong kín lại. Xin cho đèn trong đó không tắt, hoa trong đó không héo. Cho đến sau này vua A Dục khai tháp thì mọi thứ vẫn còn nguyên như hôm nay.”

Có nghĩa là hoa vẫn tươi và đèn không tắt. Ngài chú nguyện xong thì mới đánh lễ và lui ra để cho vua A-xà-thế cho người phong tháp lại.

Thì 218 năm sau, vua A Dục đi đến tháp, thấy tháp hoang tàn đổ nát, thì vua được nghe giải thích đây là tháp thờ xá lợi Phật. Vua quỳ sụp xuống và nói:

“Trầm đau lòng khi thấy tháp hoang tàn như vậy. Thôi thì trầm xin phát đại nguyện tôn tạo một bảo tháp mới để xứng đáng với xá lợi của Thế Tôn, đấng cha lành ba cõi.”

Muốn tôn tạo thì phải mở tháp ra, rước xá lợi đến chỗ tôn nghiêm trong hoàng cung, xong mới làm tháp mới.

Khi mở tháp ra, vua khuyu chân khi nhìn thấy hoa trong tháp thơm ngát, tươi rói, còn dính vài hạt sương mai trên đó. Mà đèn vẫn sáng. Nói chung, trong lòng tháp cảnh cực kỳ uy nghiêm, tinh khôi, mới mẻ như mới hôm qua.

Vua bội phần hoan hỷ, ổng nói kiểu này trầm không làm không được. Rồi ổng về, ổng chia xá lợi ra rất nhiều phần. Trong Kinh nói tám muôn bốn ngàn, mà thấy con số đó lớn, tui giấu bớt, bỏ túi, sợ người ta không tin. Cho nên tôi chỉ nói là rất nhiều phần thôi. Đó, rồi mới đem thờ tùm lum tà la. Bây giờ mình mới có dịp mình thấy.

Chuyện xá lợi

Sẵn đây cho tôi mở ngoặc nói luôn. Phật tử Việt Nam mình bị nhiều cái bệnh ngộ lắm. Giáo lý không học mà khoái đi hành thiền. Mà thiền thì lười giữ chánh niệm, mà cứ đi thiền để kiếm dịp làm phước không hà, ngộ lắm! Thiền mà đi lo đức tin, lo thiền sư, lo thiền viện, chớ không lo chánh niệm.

Cái lạ nữa là giáo lý không học, không chịu tìm hiểu Đức Phật là thế nào, đức độ ra sao, mà cứ khoái xá lợi thôi. Khoái đeo tượng, khoái xá lợi.

Mà tôi hỏi các vị, trong Kinh nói Ngài cao 1m8, mà xá lợi tối đa cũng đâu có tới 5 ký. Mà chư thiên, Phạm thiên ba cõi mười phương châu chực để rước về thờ không có đủ. Mà ngày xưa trên hành tinh này các vị thánh còn, thì Phạm thiên, chư thiên người ta không nói gì. Bây giờ trên trái đất này coi như Thạch Sanh thì ít mà Lý Thông thì nhiều, thì đời nào chư thiên, Phạm thiên để cho mình thờ. Mà tôi thấy nhà nhà, người người đều có xá lợi là sao?

Mà chưa kể xá lợi có hai nhóm. Nhóm một thì ngó giống xương, giống sỏi. Còn nhóm hai mới lạnh xương sống, y chang như mấy cái hạt thủy tinh như vậy đó, có đúng không? Nếu tôi nói sai, các vị rửa tui dùm một tiếng, tôi cảm ơn nghe.

Xá lợi gì đâu trong suốt xanh, vàng, đỏ, tím; đỏ, xanh, vàng, lục, lam, chàm, tím, tôi nhìn tôi phê quá phê. Mà có vụ này mới lạ, xá lợi mà xá lợi Thịnh văn mới ghê chứ. Mà dựa vào đâu mà xá lợi của A Nan, Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất? Tôi hỏi chớ sử sách nào? Phong thần hết, cho chức vụ hết mấy cái viên đó, mà viên nào cũng như viên nào!

Các vị có biết không, trước 1947, Anh đô hộ Ấn Độ, họ khai quật đại tháp Sanchi, họ tìm được hai hũ gốm. Một hũ để chữ “Ma”, một hũ để chữ “Sa”. Họ đối chiếu, tra cứu, so sánh gãy cổ, cuối cùng mới biết cái hũ để chữ “Sa” đó là ngài Xá Lợi Phất (Sāriputta), còn hũ để “Ma” đó là Mục Kiền Liên (Moggallāna). Họ biết đây là xá lợi của hai vị đó, họ mới đem về Viện bảo tàng Luân Đôn họ cất.

Sau 1947, họ mới trả cho chính phủ Ấn. Bây giờ hai phần xá lợi đó được tiếp tục bảo trì trong Bảo tàng quốc gia. Mỗi năm vậy đó, Việt Nam mình cũng qua xin rước lấy tùm lum tà la.

Mà hai viên đó đều có màu của xương hết, mà cực hiếm. Cả thế giới này chỉ có hai viên đó là có lý lịch đàng hoàng thôi. Coi như ngài Rahula ngài tịch cõi trời thì làm gì

có xương dưới đây. Ngài Pacula tịch rồi xá lợi tự hủy, không để lại một hạt mè.

Ngày hôm nay các vị muốn xương của ngài Pacula, ngài Rahula, trong ba nốt nhạc là có ngay, khoảng ký, ký mấy là có luôn. Vậy là sao? Cho nên người mình lạ vậy đó. Nói nhiều người trong room buồn, nghe, nhưng nói thiệt bà con mình có vấn đề nặng lắm!

Kính này Ngài dạy lục thông là sao?

Là người từng tu tập thiền định, không muốn nhưng bây giờ có thần thông, không lẽ bỏ đi. Thôi thì cứ để đó dùng như một phương tiện an lạc hiện tiền mà cũng là phương tiện độ sanh người. Như ngài Ca Diếp nếu không có thần thông thì đâu giúp được vua A Dục một cách cực kỳ hữu hiệu như vậy.

Cái cuối cùng mới ghê, đó là vị đó lấy thần thông làm nền tảng để tu tập tuệ quán, chứng đắc La Hán, chấm dứt phiền não, thì điều đó mới được Đức Phật tán thán, ngợi khen.

Lục thông là gì?

1. Thứ nhất là Biến hóa thông.

Hồi nãy tôi nói, phải có 10 kasina: đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng.

Đề mục nước, lúc mình tu mình chỉ nhìn nước, niệm: “Nước, nước, nước, nước...”
Đủ phước duyên mình sẽ đắc thần thông bằng đề mục nước. Là vị đó có khả năng tạo ra nước như mình muốn. Vị đó đứng trên núi mà nói: “Nước đi”, là lập tức chung quanh là nước không, trên núi đó.

Với thần thông nước, vị đó có thể làm lúc lắc, lung lay, lay động tất cả những gì vị đó muốn. Như vị đó muốn nguyên cái lâu đài lúc lắc thì nó lúc lắc. Muốn nguyên cái cây cổ thụ đó ngã nghiêng, trốc gốc, thậm chí nó lắc qua lắc lại như là xiếc, vẫn được.

Đề mục lửa cũng vậy, có thể tạo ra lửa như mình muốn, tạo ra ánh sáng như mình muốn, có thể tạo ra hơi ấm, sức nóng như mình muốn.

Rồi xanh, vàng, đỏ, trắng cũng vậy. Mỗi đề mục cho ra tác dụng khác nhau. Màu xanh thì mình có thể biến mọi thứ màu xanh, mình có thể tạo ra bóng tối như ý mình muốn. Màu đỏ là có thể biến mọi thứ thành màu đỏ và tạo ra ánh sáng màu đỏ.

Thì với 10 đề mục kasina này, vị đó thành tựu được mọi khả năng biến hóa, dời non lấp biển, kêu mưa gọi gió, hô phong hoán vũ. Đó là Biến hóa thông.

2. Thứ hai, Tha tâm thông.

Là vị này có khả năng đọc hiểu được tư tưởng người khác. Trong Kinh nói vị nào muốn có Tha tâm thông, vị đó phải đắc thiên nhãn trước. Mà muốn có thiên nhãn thì vị đó phải có cặp mắt còn xài được. Người mù không luyện thiên nhãn được.

Bởi vì vị đó muốn đọc hiểu tâm tư người ta thì vị đó cùng một lúc nhìn thấy toàn bộ những biến chuyển sinh học trong cơ thể người đối diện. Cùng một lúc như vậy, hai cái đó không thể rời nhau.

3. Thứ ba là vị đó có khả năng Túc mạng minh.

Là vị đó nhớ được kiếp trước là mình và người khác từng sanh ra ở đâu. “Người khác” là người nào mà mình chú ý, chứ “người khác” đây không phải là tất cả, vì mình không xuể hết.

Thí dụ Lê Văn Tèo ngồi trước mặt tôi, thì ngoài khả năng tôi nhớ được cách đây 5 kiếp, 10 kiếp tôi là cái gì, thì thằng Tèo ngồi trước tôi, tôi cũng nhớ được: à, thằng này kiếp trước nó là cái gì, cái gì.

Nhưng cũng phải nói thêm là tùy vào phước duyên của mỗi người. Tuy mang tiếng là đắc thần thông Túc mạng minh, nhưng có người chỉ nhớ được 5 kiếp, 10 kiếp, 20 kiếp, 100, 200 kiếp, năm mươi ngàn kiếp. Có người thấy một triệu, hai triệu, một tỷ,

hai tỷ. Có người thấy mấy chục ngàn tỷ, và có người thấy vô lượng, không giới hạn như Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Đó là về số lượng người thấy nhiều ít.

Thứ hai là tùy căn cơ trình độ mỗi người mà kiểu thấy khác nhau. Có người thấy kiểu rà soát. Có người thấy kiểu đốt giai đoạn. Không biết các vị hiểu không ta? Đốt giai đoạn là thí dụ mình muốn biết cách đây 1.000 kiếp mình là cái gì, mình nhớ cái rẹt, mình không có rà. Như chư Phật Chánh Đẳng Giác nhớ là ngài nhớ liền, chớ không có rà.

Cho nên Túc mạng minh, nhớ kiếp trước, có hai chuyện: thứ nhất là số lượng kiếp mình nhớ được thì tùy người mà nhớ được nhiều hay ít. Thứ hai là cái kiểu nhớ, nhớ rà soát từng bước hay kiểu nhớ tùy ý nhìn thấy. Nhớ nhe. Học mấy cái này phải học cho kỹ, kiến thức nó rộng hơn thì tốt chứ sao.

Thì trong room này biết rồi, có hai kiểu rọi đèn. Kiểu một là kiểu rọi đèn dầu, nghĩa là mình cầm đèn dầu mình phải đi từng bước, phải rà từ từ, từ từ. Còn kiểu thứ hai là rọi đèn pin, nghĩa là mình cần rọi là mình thấy liền.

4. Tiếp theo là Sanh tử minh hoặc là Thiên nhãn minh.

Loại thần thông này có hai tên.

Túc mạng minh cho thấy mình là vua chúa, gái điếm, là ăn cướp, là thầy chùa, là linh mục, du đãng gì đó, tức là thấy được cái quả sanh tử. Còn Sanh tử minh thì thấy được cái nhân sanh tử. Như mình thấy được tại sao kiếp đó mình làm vua, tại sao kiếp kia mình làm ăn mày.

6. Cuối cùng là Lộ tận minh, là nhàm chán sanh tử.

Nhàm chán nhân quả trong sanh tử, chấm dứt nhân sanh tử.

Lộ tận minh là thấy rõ nhân quả sanh tử và cắt đứt nhân sanh tử. Lộ tận minh khác hai minh trước. Túc mạng thông, Túc mạng minh, là nhớ được quả sanh tử. Sanh tử

minh là thấy được nhân sanh tử. Còn Lậu tận minh là cắt đứt nhân sanh tử và nhàm chán quả sanh tử.

Các vị tưởng tượng một người mà trái thì không muốn ăn, cây thì đốn luôn, thì người đó đối với cây không còn duyên nợ dây dưa gì nữa hết. Còn phàm phu minh, cây thì tưới cho tốt, trái rớt lùm độp luôn, hột thì đem trồng tiếp, cái cội cây sanh tử đó. Cây thì mình tưới, trái rụng mình ăn, hột đem trồng thêm.

Còn với vị thánh thì cây sanh tử họ đốn tận gốc, trốc tận rễ, trái rụng xuống họ cũng không ham luôn, không đụng tới. Mà nếu có ăn thì ăn rất cẩn thận. Không gieo hột mới, có bao nhiêu mầm hột thì họ bỏ hết. Như vậy thì gọi là Lậu tận minh.

Một vị thành tựu được lục thông này thì đương nhiên là đối tượng đáng cúng dường. Bởi vì chỉ riêng khoản số 6 là đáng cúng dường rồi. Có nghĩa là vị đó không còn tạo nhân sanh tử, không còn đam mê hay sợ hãi trong quả sanh tử.

Sẵn đây nói luôn một số chuyện quan trọng nữa. Đó là tùy vào khuynh hướng tâm lý mà nó dẫn đến chuyện kiểu tu hành và đường lối nhận thức của mỗi người không giống nhau.

Chúng sanh trong đời có hai hạng. Một hạng thì biết sợ sanh tử, chán hiện hữu. Nhưng có loại thì muốn đời đời sống hoài, đừng có mất. Từ khuynh hướng tâm lý này mới dẫn đến chuyện nó tìm đến

Tôn giáo nào có thiên đường để chết rồi lên trên được diện kiến tôn nhan thánh chúa gì đó. Hoặc là thiên đường bên Hồi giáo, đặc biệt đàn ông nghe khoái lắm. Tức là nếu mình sống đạo hết lòng thì chết về trời sẽ được tưởng thưởng, mỗi một ông sẽ được 47 cô tiên đẹp như mơ, xinh như mộng. Trên đó có những dòng sông đầy ắp rượu ngon. Tùy khẩu vị mỗi người dưới trần thích uống loại rượu gì thì khi lên trên là đưa miệng xuống dưới sông là có ngay rượu đó để uống. Say sưa xong lết lên thăm cỏ là trời xanh, mây trắng, nắng vàng, kể bên 47 người đẹp, tha hồ hưởng thụ.

Nhưng trong tinh thần Phật giáo mình thì mọi hình thức hiện hữu, dầu là đắng hay ngọt, đều là không nên, bởi vì nó vô nghĩa. Trong kinh giải thích như vậy. Mọi hình thức hiện hữu, dầu đắng hay ngọt, đều là vô nghĩa. Bởi vì sao? Nếu mình có huệ căn một tí, mình sẽ thấy ngay tại sao nó vô nghĩa. Tại vì được cái gì? Thí dụ bây giờ mình sống hoài không chết thì mình được cái gì? Sống hoài được bên cạnh người mình thương, được ở chỗ mình thích, được cái mình muốn. Nó cứ vậy hoài, hoài hoài không có kết thúc, thì đối với bậc thượng trí họ lại không muốn như vậy. Họ thấy đó là sự lặp lại tẻ nhạt. Còn hạng chúng sanh bình thường, hạ căn kém trí, thì họ lại khoái như vậy.

Mà từ đâu ra sự nhận thức khác biệt như vậy? Là bởi vì người có niệm, có tuệ, họ thường sống tỉnh thức, họ có dịp quan sát, nhìn ngắm từng cảm xúc buồn vui của mình thì họ mới có dịp họ chán. Còn người sống như trẻ con, hồn nhiên thơ ngây, giao phó niềm tin cho cuộc đời thì mới tin yêu được nó. Chớ với người tỉnh táo quan sát chính mình, họ thấy họ chán.

Trong room này tôi nghĩ sẽ có người đồng ý với tôi, chớ tôi không mong là tất cả đâu. Chắc cũng có người ngồi giữa căn nhà bạc triệu, nhìn ra garage có mấy chiếc xe đắt tiền, rồi nhìn bà xã nấu ăn bưng qua cho mấy đứa con. Đứa con nó ăn no rồi để đồng chén đó cho má rửa, nó nhào qua học bài, làm bài tập hoặc nó chơi game. Ông ngồi ổng nhìn nó, ổng chán. Ông nghĩ: mỗi ngày đem tiền về, rồi cái nhịp sống lặp đi lặp lại, lặp đi lặp lại vậy.

Lát sau hàng xóm bấm chuông gọi cửa đem qua cho hũ mắm, một ổ bánh, rồi cám ơn, rồi mai này mình làm gì mình cũng nhớ tới họ, mình đem qua. Đại khái sống chỉ có lảng giềng, rồi lâu lâu bạn bè alo gọi điện thoại, rồi email, Facebook, rồi tối gia đình quây quần nhau. Cứ ngày nào, ngày này qua ngày kia. Rồi cái đám nhỏ lớn lên, trai có vợ, gái có chồng, nó ra đi, còn hai vợ chồng già ở với nhau, chờ tới lúc vô nhà già nằm ngáp ở trông coi ai đi trước. Khóc ba mớ, rồi ít bữa tới phiên mình.

Rồi có người đi sớm thì thôi, có người đi trễ trễ nó lẩn. Tới ngày cặp mắt kèm nhèm ngó ra ngoài cửa, mông lung, khờ khờ, gặp ai cũng gật gù hoặc lắc đầu, rồi nói tầm bậy tầm bạ vậy đó để chờ một đêm tối mùa đông, y tá nó qua rờ thấy lạnh ngắt rồi xong! Rồi hết thể hệ này qua thể hệ khác, mấy đứa con cũng vậy.

Thì nhiều người thấy cảnh đó họ ngán quý vị à. Tôi ở bên Thụy Sĩ tôi thấy cảnh đó nhiều lắm. Tôi thấy những ngày mùa đông, tuyết rơi trắng, có những ông cụ bà lão coi như cà lơ xích xụi đi chân thấp chân cao, rồi đẩy cái xe, coi như xe shopping cart, xe đi chợ đó, vì đâu có ai lo. Không con cháu hoặc nó ở xa. Tự mình đi chợ, lên mấy cái dốc kéo ì ạch, ì ạch vậy đó. Cặp mắt kèm nhèm, mờ mờ, không thấy. Vô nhà, mở cửa vô cái nóc ống khói, rồi có con mèo đen đen nháy, kêu “ngao” một cái, rồi đóng cửa lại, rồi gió thổi, tuyết rơi lất phất lất phất trước sân, rồi xa xa có tiếng chó sủa. Trời đất ơi, rồi...!

Các vị hỏi tại sao tôi tả kỹ vậy. Nó chung quanh tôi, trước mắt tôi, tôi nhìn thấy hết. Tôi nói: trời đất ơi, hôm nay mình vô room mình giảng thế này. Rồi có một ngày, năm nay 50, rồi 60, 65, nếu không ngưng, tôi giảng hoài. Rồi có một ngày: “Alo, sao Sư không có vô?” Rồi các vị mới gọi phone cho gần bên hỏi bữa nay Sư không vô, họ kêu cũng không được. Họ ở gần, họ xách xe chạy tới, rồi cái room quý vị còn đang mở nè, đang mở chờ nè, mới báo nói là: “He die rồi.” Rồi trong room cũng có mấy người cũng đưa cái bông lên. Cũng có mấy người “sadhu!”. Ai chứ Việt Nam mình vua sadhu. Nhe, nói Sư mất rồi, thôi đóng room đi, từ đây về sau không có vô nữa. Rồi cái bắt đầu sadhu, sadhu, rồi chúc Sư thượng lộ bình an, chân cứng đá mềm, rồi sanh về cảnh giới an lạc.

Giống như Sư Thiện Minh vậy đó, giờ quên sạch rồi, đâu ai nhớ nữa. Cúng thất, cúng giỗ, làm cho xôm xôm được ít lâu, rồi tôi lên Facebook tôi thấy mất tiêu, có ai nhắc tới nữa đâu. Cũng một thời lừng lẫy, đẹp trai, cũng răng trắng môi hồng, trán cao gì đó, giờ mất sạch rồi! Chỉ là bóng mờ sa mạc thôi!

Cho nên bậc thượng căn họ không cần phải máu me tùm lum, chiến tranh khói lửa, phải sanh ly tử biệt gì hết. Chỉ cần nghĩ vậy là họ nổi da gà rồi, các vị biết không? Vấn đề là ở chỗ nổi da gà đó.

Vị tỳ kheo nào có được Lục thông hoặc là được thông thứ sáu là đáng để chư thiên, nhân loại, ba cõi cúng dường, đánh lễ là vì đâu? Là bởi vì con người đó quá là hiếm hoi. Giữa một cuộc đời chỉ biết đam mê năm nín thì có một con người biết buông bỏ mọi thứ. Buông bỏ mọi thứ nhưng trong tim luôn có muôn loài, thì cái người như vậy thử hỏi làm sao không đáng đánh lễ được?

“Buông bỏ mọi thứ mà trong tim luôn có muôn loài” có nghĩa là với trí tuệ thì thấy suốt vạn hữu, và với từ bi thì ai ngài cũng thương hết, ai cũng thấy tội nghiệp hết. Đó là chỗ khác của mình với thánh nhân. Mình thì sao? Mình thì cái gì cũng ôm, mà cái nào ghét được thì ghét. Đó là cái dờm, cái tào lao của mình. Thánh nhân thì không ôm cái gì nhưng mà lấy mắt thương nhìn đời.

Bài kinh số 3 – Kinh Các Căn

Các căn có nghĩa là 5 quyền cộng với trí tuệ giác ngộ. Năm quyền là vị tỳ kheo nào thành tựu được 5 quyền sau đây rồi lấy 5 quyền đó làm nền tảng để chứng thánh trí: 5 quyền + thánh trí = 6. Sáu cái này nếu nói cho đủ là 8. Nhưng nói gọn nó chỉ có 6.

Năm quyền: tín, tấn, niệm, định, tuệ.

1. Tín là niềm tin dựa trên nền tảng trí tuệ, chánh tín. Tin rằng tất cả mọi ý ác, lời ác, việc ác đều đem lại quả khổ. Tin rằng mọi ý lành, lời lành, việc lành đều đem lại quả vui. Đó chính là chánh tín. Tin rằng mọi thứ ở đời đều do duyên mà có, có rồi phải mất. Niềm tin đó được gọi là chánh tín. Tin rằng ở đời kẻ nhàm chán mọi thứ, chứng đắc thánh trí, không còn sanh tử, tin sự có mặt của thánh nhân. Tin nghiệp báo, tin tam tướng, tin thánh nhân.

Tin chỉ có đời sống chánh niệm mới là an lạc hiện tiền và là con đường giải thoát. Bốn cái: tin đạo lộ. Tin Tam tướng, tin nhân quả, tin thánh nhân và tin đạo lộ. Bốn cái này mới gọi là chánh tín.

Còn cái chuyện chúng ta tin quỷ thần không ai trách, nhưng phải có bốn cái đó. Người Phật tử không có bốn niềm tin này thì không được. Các vị có tin ông Tà, ông Táo, cô này, cậu nọ thì đều là tà tín hết. Phải tin bốn cái này cái đã, còn ngoài ra muốn tin gì tin.

2. Tấn

Tấn đây là sự nỗ lực. Ai trên đời này làm biếng mà sống được đâu. Người ăn mày cũng phải chịu khó lết, chịu khó chìa nón, chịu khó phơi nắng dầm mưa mới có tiền người ta cho, chứ ăn mày làm biếng ai mà cho. Ăn mày cụt tay cụt chân cũng phải siêng, nói chi người xây dựng sự nghiệp ở đời hay cầu đạo giải thoát trong đạo đều phải tinh tấn hết. Phải siêng.

Siêng đây có nhiều cách kể. Siêng kể có hai:

- Nỗ lực bỏ đi cái gì không cần thiết.
- Nỗ lực huân tập, tích lũy, phát triển cái gì cần thiết.

3. Niệm

Niệm là khả năng tỉnh thức, không quên mình. Có nghĩa là luôn sống trong sự kiểm soát, control yourself, luôn luôn như vậy. Có nghĩa là luôn biết rõ mình đang nói gì, làm gì, nghĩ gì thì cái đó gọi là niệm.

4. Định

Còn định là khả năng tập trung tư tưởng. Có nghĩa là cái tâm đã dán vào đối tượng nào rồi thì nó không rời đi qua chỗ khác. Đó gọi là định.

Niệm là biết rõ cái gì đang diễn ra, đang xảy ra. Còn định là tập trung vào một cái gì đó, ngoài ra không có biết cái gì nữa hết.

5. Tuệ

Còn tuệ là khả năng nhận biết cái gì nên và không nên, cái gì cần giữ, cái gì cần bỏ, cái gì là trắng, cái gì là đen, thiện hay ác. Tuệ là biết rõ bản chất của vạn vật. Biết rõ rằng mọi thứ ở đời do duyên mà có. Biết rõ rằng mọi thứ có rồi phải mất.

Nghe giống giống niềm tin phải không? Cái đó là tin. Tin vào cái mình thấy và thấy rõ cái mình tin. Đây là quan hệ giữa tuệ và tín.

“Tín là tin chắc vào cái mình thấy, còn tuệ là thấy rõ những gì mình tin.”

Một người tu tập năm cái này: tín, tấn, niệm, định, tuệ, nếu cộng với ba-la-mật, tức là với phước duyên quá khứ, thì vị đó sẽ đạt được cái thứ sáu, có nghĩa là chấm dứt phiền não, chứng ngộ trí tuệ thánh nhân.

Nhưng hồi nãy tôi có nói, nói tắt thì có sáu, có nghĩa là năm quyền:

Nói gọn: 5 nhân giải thoát + 1 quả giải thoát = 6.

Nói đủ: 5 nhân giải thoát + 3 quả giải thoát = 8.

Ba quả giải thoát là: Vị tri quyền, Dĩ tri quyền và Cụ tri quyền.

Vị tri quyền: Sơ quả.

Dĩ tri quyền: hai tầng thánh giữa.

Cụ tri quyền: A-la-hán.

Vị tri quyền của Sơ quả, “vị” là chưa, “tri” là biết. Trí tuệ của Tu-đà-hườn gọi là Vị tri quyền. Vị đó thấy được cái điều mà xưa nay trong vô số kiếp mình chưa thấy qua bao giờ. Chưa hề biết được Bốn Đế là sao. Mọi thứ là khổ. Thích cái gì cũng là thích

trong khổ. Muốn hết khổ, đừng thích trong khổ nữa. Sống bằng ba nhận thức ấy là con đường thoát khổ.

Suốt bao nhiêu kiếp mình chưa từng thấy được cái này. Có học nhiều lần lắm rồi, nhưng thấy như hôm nay thì đây là lần đầu tiên. Thì cái đó gọi là Vị tri, là thấy được cái chưa từng biết. Giống như “vị lai” là cái chưa từng có.

Thứ hai là Dĩ tri quyền. Có nghĩa là khi mình đắc tiếp tục hai tầng thánh hai và ba thì mình thấy lại cái mình đã thấy, vừa thấy ở tầng thứ nhất. Cái đó được gọi là Dĩ tri, là thấy lại lần nữa cái mình đã thấy. “Dĩ” là “đã”, “vốn dĩ”, cũng như “dĩ vãng”: qua rồi. “Dĩ” là đã, “vãng” là qua.

Cụ tri quyền là quả vị La-hán. “Cụ” đây là “đầy đủ”. Nghĩa là vị đó có một cái thấy hoàn bị, đầy đủ, bổ sung, điền khuyết những cái thấy mà ba tầng thánh kia chưa có được. Gọi là Cụ tri. “Cụ” là đầy đủ, giống như “cụ bị” là trang bị cho đầy đủ.

Thì vị Tu-đà-hườn, cái trí được gọi là Vị tri quyền: thấy được điều mình chưa từng thấy, chứng ngộ điều mình chưa từng chứng ngộ.

Hai tầng thánh giữa là Dĩ tri: thấy lại lần nữa cái mình đã thấy. Nhưng hai cái này cũng chưa phải rất ráo đầy đủ. Chỉ có vị La-hán mới rất ráo.

Trí tuệ vị La-hán gọi là Cụ tri quyền, là cái thấy đầy đủ không sót. Một cái thấy điền khuyết, cái thấy bổ sung cho những chỗ thiếu sót mà ba tầng thánh kia chưa có thấy rất ráo.

Mà đặc biệt, khi Bốn Đế mình thấy rất ráo thì mình không còn chỗ nào để chứa phiền não. Nhưng hễ Bốn Đế mà chưa thấy rất ráo thì còn có chỗ trống. Không biết trong room có hiểu này không ta?

Giống như mình rọi đèn mà rọi chưa có hết thì chuột với gián nó còn trốn được. Nhưng khi đã rọi kỹ rồi thì coi như chuột gián phải lên đường. Đời nào mình rọi,

mình thấy nó ở trống mà để nó vậy đâu. Còn đằng này mình rọi chưa hết, rọi trên, rọi dưới mà quên sau lưng tử nguyên cái ổ chuột to đùng, nguyên một ổ gián to đùng.

Còn vị La-hán là Ngài rọi hết. Ngài mở tử ra, rọi trong ngoài, trên dưới, rọi trước rọi sau, phải trái. Mà rọi vậy thì chuột gián nào nó còn. Phải như vậy.

Cho nên nhiều lần và rất nhiều lần tôi nói cái chữ transparency rất là quan trọng. Mình đi nha sĩ là nha sĩ phải có transparency với cái răng mình, họ mới biết cái răng có vấn đề gì mới chữa răng. Rồi những ông internal doctor, bác sĩ nội khoa, là ông phải có được cái transparency trong cơ thể mình. Ông phải xét nghiệm nào phân, đàm, nước tiểu, máu tùm lum hết, thử cái đó ông mới biết toàn bộ con người mình nó ra sao.

Nghĩa là họ phải thấu suốt mọi thứ trên cơ thể mình, họ mới có thể nói chuyện được. Chớ còn có một góc khuất nào đó trong cơ thể mình thì bác sĩ làm sao định bệnh, làm sao chữa trị? Đó là chuyện cơ thể.

Còn chuyện hoa màu trồng trọt, một người nông dân không biết rõ vấn đề trên đất mình thì làm sao mình trồng trọt. Một người dẫn đầu công ty mà không biết những vấn đề khuất lấp, khuất tất của công ty thì làm sao điều hành được công ty? Xa hơn nữa là đất nước, một chính phủ mà có quá nhiều khuất tất, có nhiều vùng cấm, vùng tối thì coi như đất nước đó không có khá.

Mọi thứ phải transparency, phải thông suốt, phải được bạch hóa thì những vấn đề của nó mới sớm được giải quyết. Còn bằng không, một cơ thể, một tổ chức, một công ty, hãng xưởng, nhà máy, một đất nước mà có quá nhiều vùng cấm, vùng tối thì coi như chỉ có chờ chết thôi.

Ở đây nói sáu căn, mình phải hiểu ngầm năm căn đầu là nhân giải thoát, cái thứ sáu là quả giải thoát. Năm cái đầu dẫn tới cái cuối. Thứ hai, số sáu này là nói tắt, chớ nếu nói đủ thì là tám. Nghĩa là năm nhân giải thoát cộng với ba quả giải thoát: Vị tri quyền, Dĩ tri quyền, Cụ tri quyền.

Tri quyền, Cụ tri quyền.

Tiếp theo là Kinh số 4, nhưng mà hết giờ rồi.

Chúc các vị một ngày vui. Buổi giảng tiếp theo rất khó nói. Để chúng tôi xem lại và báo ngay khi có thể. Và phải nói rằng trong thời điểm này thì cố gắng được là chúng tôi cố gắng ngay, vì nhiều lý do.

Kinh gần xong, mình đi nửa đường. Thứ hai nữa là lúc này phải giữ liên lạc với bà con liên tục và liên tục.

Chúc các vị một ngày vui.